

Số: 10/QĐ-UBND

Hợp Tiến, ngày 04 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2022 của xã  
Hợp Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP TIẾN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343 /2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến về việc phê duyệt dự toán thu-chi ngân sách xã năm 2022;

**QUYẾT ĐỊNH**


**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2022 của xã Hợp Tiến (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ban tài chính.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Mạnh Tuấn**

của Luật ngân sách thì UBND xã còn gặp những khó khăn trong công tác điều hành chi như:

- Do dịch bệnh diễn biến rất phức tạp do vậy việc điều hành công tác chi ngân sách hết sức tiết kiệm, tiết kiệm các khoản hoạt động, ưu tiên chi phòng chống dịch bệnh .

- Nguồn kinh phí chi hoạt động của xã rất thấp xong lại phải tiết kiệm trên 12% (55,5 triệu đồng) do vậy việc quản lý điều hành chi ngân sách gặp rất nhiều khó khăn.

Các ban ngành đoàn thể sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao chi đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Căn cứ vào nghị quyết HĐND xã kỳ họp thứ 3 UBND xã sẽ thực hiện phân bổ dự toán ngay từ đầu năm theo đúng quy định.

Điều hành chi ngân sách trong năm theo đúng dự toán được giao, hạn chế đến mức tối đa các khoản phát sinh ngoài dự toán được duyệt, thực hiện đúng Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các văn bản hiện hành. Giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết và các nội dung không cần thiết. Kiên quyết xuất toán các khoản chi sai, chi không đúng mục đích, không đúng Luật ngân sách hiện hành.

**Nơi nhận:**

- TT ĐU, MTTQ xã;
- TT HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VPUBND.



**THUYẾT MINH**

**Tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022;**

Căn cứ luật ngân sách nhà nước năm 2022, các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị quyết của BCH Đảng bộ xã về mục tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ gìn quốc phòng an ninh ở đại phương.

UBND xã Hợp tiến báo cáo tình hình thực hiện thu-chi ngân sách năm 2022, xây dựng dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**

Năm 2022 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, song xã dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy – HĐND – UBND xã, sự phối hợp tuyên truyền, vận động tích cực của các ban ngành đoàn thể của xã, sự tích cực của các thành viên HDVT thuế, công tác thu chi ngân sách xã Hợp Tiến đã đạt được kết quả như sau.

**1. Thu ngân sách năm 2022:**

- Thu ngân sách năm 2022 ước đạt 844,08 triệu đồng đạt 191% Dự toán giao đầu năm. *(Xem chi tiết biểu 01)*

- Một số khoản thu đạt rất cao như thu lệ phí trước bạ, thuế TNCN trên 180%.

- Bên cạnh các khoản thu đạt cao thì năm 2022 có khoản thu phí chứng thư còn chưa đạt DT giao.

**2. Chi ngân sách năm 2022:**

Dự toán chi ngân sách huyện giao là 4.686 triệu đồng, HĐND xã giao 4.686 triệu đồng. thực hiện 8,1 tỷ đồng. Tăng chi ngân sách chủ yếu là các khoản chi bổ sung có mục tiêu chi trả nợ XDCB, Chi thường xuyên tăng ít chủ yếu là tăng kinh phí thực hiện tiền lương và các chế độ chính sách.

*(Xem chi tiết biểu 02)*

Công tác chi đầu tư XDCB của xã luôn thực hiện thanh toán đúng tiến độ phân bổ vốn của cấp trên giao.

Bên cạnh sự thuận lợi là xã đã được phân bổ ngân sách thu chi từ cuối năm 2022 và xã đã chủ động giao dự toán thu và chi kịp thời theo đúng quy định



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2022

Kiểm tra (Số) /QĐ-UB xã ngày 04/01/2023)

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi</b>	<b>10.206.808.535</b>	<b>3.793.565.600</b>	<b>6.413.242.935</b>	<b>12.646.404.602</b>	<b>5.785.930.880</b>	<b>6.860.473.722</b>	<b>124</b>	<b>153</b>	<b>107</b>
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	575.857.000		575.857.000	599.443.840		599.443.840	104		104
- Chi dân quân tự vệ	307.000.000		307.000.000	306.197.200		306.197.200	100		100
- Chi trật tự an toàn xã hội	268.857.000		268.857.000	293.246.640		293.246.640	109		109
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	74.965.000		74.965.000	74.947.000		74.947.000	100		100
5. Chi văn hóa, thông tin	331.000.000	311.000.000	20.000.000	276.969.300	256.992.400	19.976.900	84	83	100
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	75.000.000		75.000.000	74.937.700		74.937.700	100		100
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	3.025.930.600	2.482.565.600	543.365.000	3.991.422.380	3.832.993.380	158.429.000	132	154	29
- Giao thông	2.327.565.600	2.221.565.600	106.000.000	3.677.751.380	3.578.387.380	99.364.000	158	161	94
- Nông - lâm	412.365.000		412.365.000	34.065.000		34.065.000	8		8
- Thủy lợi - hải sản	286.000.000	261.000.000	25.000.000	279.606.000	254.606.000	25.000.000	98	98	100
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.930.881.935	1.000.000.000	4.930.881.935	6.058.622.867	999.999.100	5.058.623.767	102	100	103
10.1. Quản lý Nhà nước	3.719.531.935	1.000.000.000	2.719.531.935	3.912.974.318	999.999.100	2.912.975.218	105	100	107
10.2. Hội đồng nhân dân	400.000.000		400.000.000	334.747.719		334.747.719	84		84
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	653.000.000		653.000.000	652.765.609		652.765.609	100		100
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	349.500.000		349.500.000	398.395.940		398.395.940	114		114
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	183.000.000		183.000.000	163.748.549		163.748.549	89		89
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	165.000.000		165.000.000	145.936.418		145.936.418	88		88
10.7. Hội Cựu chiến binh	155.000.000		155.000.000	148.267.304		148.267.304	96		96
10.8. Hội Nông dân	140.000.000		140.000.000	146.382.010		146.382.010	105		105
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	25.000.000		25.000.000	25.656.000		25.656.000	103		103
10.10. Hội Người cao tuổi	50.850.000		50.850.000	51.506.000		51.506.000	101		101
10.11. Hội khuyến học	25.000.000		25.000.000	3.020.000		3.020.000	12		12
10.12. Hội khác	65.000.000		65.000.000	75.223.000		75.223.000	116		116
11. Chi cho công tác xã hội	73.184.000		73.184.000	67.300.000		67.300.000	92		92
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	63.184.000		63.184.000	57.600.000		57.600.000	91		91
- Chi đảm bảo xã hội	10.000.000		10.000.000	9.700.000		9.700.000	97		97
12. Chi khác									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				1.382.771.515	695.946.000	686.825.515			
15. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	119.990.000		119.990.000	119.990.000		119.990.000	100		100



**QUỐC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**  
Năm 2022  
(Kèm theo Quyết định/QĐ -UBND xã ngày 04/01/2023)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>12.535.451.715</b>	<b>12.535.451.715</b>	<b>13.030.355.358</b>	<b>12.704.748.746</b>	<b>103,95</b>	<b>101,35</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>77.000.000</b>	<b>77.000.000</b>	<b>338.110.658</b>	<b>73.888.000</b>	<b>439,10</b>	<b>95,96</b>
- Phí, lệ phí	77.000.000	77.000.000	54.689.000	54.689.000	71,02	71,02
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	9.000.000	9.000.000	283.421.658	19.199.000	<b>3149,13</b>	<b>213,32</b>
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>354.000.000</b>	<b>354.000.000</b>	<b>259.766.534</b>	<b>198.382.580</b>	<b>73,38</b>	<b>56,04</b>
1. Các khoản thu phân chia	24.000.000	24.000.000	161.772.434	100.388.480	<b>674,05</b>	<b>418,29</b>
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000	14.804.518	14.804.518	<b>370,11</b>	<b>370,11</b>
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			24.200.000	24.200.000		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	20.000.000	122.767.916	61.383.962	<b>613,84</b>	<b>306,92</b>
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	330.000.000	330.000.000	97.994.100	97.994.100	<b>29,70</b>	<b>29,70</b>
- Thuế giá trị gia tăng	170.000.000	170.000.000	97.994.100	97.994.100	<b>57,64</b>	<b>57,64</b>
- Thuế TNDN	160.000.000	160.000.000			<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
- Thuế thu nhập cá nhân						
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>283.026.451</b>	<b>283.026.451</b>		
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>12.104.451.715</b>	<b>12.104.451.715</b>	<b>12.104.451.715</b>	<b>12.104.451.715</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.406.000.000	4.406.000.000	4.406.000.000	4.406.000.000	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
- Bổ sung có mục tiêu	7.698.451.715	7.698.451.715	7.698.451.715	7.698.451.715	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
<b>VII. Thu nộp trả ngân sách cấp trên</b>						



## CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Năm 2022

Kèm theo QĐ số 10/QĐ - UBND xã ngày 04/01/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNII (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	12.374.451.715	12.309.833.815	99,48
1.	Các khoản thu 100%	270.000.000	62.388.000	23,11
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		97.994.100	
3.	Thu chuyển nguồn		45.000.000	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.104.451.715	12.104.451.715	100,00
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.406.000.000	4.406.000.000	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	7.698.451.715	7.698.451.715	100,00
II.	Tổng số chi	6.822.257.362	6.752.257.362	98,97
1.	Chi đầu tư phát triển	1.034.489.600	1.034.489.600	100,00
2.	Chi thường xuyên	5.717.767.762	5.717.767.762	100,00
3	Tiết kiệm chi 10%	66.000.000		0,00
4	Dự phòng	70.000.000		0,00